

Bản án số: 622/2023/KDTM-PT

Ngày: 30/5/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng
bảo hiểm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Đoan Trang

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Bà Phùng Thị Như Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Trần Hồng Long - Kiểm sát viên.

Vào ngày 30/5/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2022/TLPT-KDTM ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

Do bản án sơ thẩm số 169/2022/KDTM-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1989/2023/QĐPT-KDTM ngày 08/5/2023 và giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần C;

Địa chỉ: Số 332 đường D, Phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông T

Địa chỉ: Số 332 đường D, Phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh
hoặc số 171 đường N, phường Đ, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh

(Giấy ủy quyền lập ngày 12 tháng 9 năm 2019)

2. Bị đơn: Tổng công ty Cổ phần P;

Địa chỉ: T21-22 Tòa nhà M, 229 đường T, quận Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hoàng H, ông P

(Giấy uỷ quyền lập ngày 30/12/2022)

Địa chỉ: Tầng 5 V Tower, số 29 đường T, phường B, Quận Q, Thành phố
Hồ Chí Minh

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông N

Địa chỉ: Tầng 5 V Tower, số 29 đường T, phường B, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

3.2. Ông Nguyễn Văn H - Chủ doanh nghiệp tư nhân H;

Địa chỉ: Số 147 đường L, Phường T, thành phố T, tỉnh Phú Yên. (có đơn xin vắng mặt)

3.3. Ông L

Địa chỉ: Số 147 đường L, Phường T, thành phố T, tỉnh Phú Yên. (có đơn xin vắng mặt)

3.4. Công ty TNHH T;

Địa chỉ: Số 264 đường T, phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH T: Bà Trương Ngọc Hương T

Địa chỉ: Số 8/4A đường M, Phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh - Giấy ủy quyền số: 09/2019/UQ-TSMC ngày 30 tháng 10 năm 2019. (có đơn xin vắng mặt)

Người kháng cáo: Tổng công ty Cổ phần P.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 8 năm 2017, đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện ngày 28 tháng 9 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17 tháng 10 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04 tháng 11 năm 2016, Công ty Cổ phần C (viết tắt Công ty C) và Công ty bảo hiểm PB (viết tắt Công ty PB) ký hợp đồng bảo hiểm kết hợp xe ô tô số: P-16/BTA/P56/5100/0577, để bảo hiểm vật chất xe ô tô hiệu Altis, biển số: 52T-4014, phí bảo hiểm 4.000.000 đồng, giá trị bảo hiểm 200.000.000 đồng và xe ô tô hiệu Lexus LS460, biển số: 52F-5499, phí bảo hiểm 24.500.000 đồng, giá trị bảo hiểm 1.400.000.000 đồng; thời hạn bảo hiểm từ 10 giờ ngày 04 tháng 11 năm 2016 đến 10 giờ ngày 04 tháng 11 năm 2017; phí bảo hiểm cho 02 xe Công ty C đã đóng 28.500.000 đồng. Ngoài ra, hợp đồng còn quy định các điều khoản khác các bên đã thỏa thuận.

Ngày 19 tháng 01 năm 2017, khi xe ô tô nhãn hiệu Lexus LS460, biển số: 52F-5499 đang dừng xe chờ tín hiệu đèn đỏ tại km 1749 + 698 Quốc lộ 1A thuộc huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận thì bị xe ô tô tải biển số: 78C-00347 đâm trực diện từ phía sau gây hư hỏng nặng. Ngay khi sự việc xảy ra, Công ty C có văn bản thông báo, yêu cầu Công ty PB bồi thường và ủy quyền cho người của Công ty PB làm việc với cơ quan chức năng để giải quyết. Theo báo giá sửa chữa xe ô tô hiệu Lexus LS460, biển số: 52F-5499 ngày 03 tháng 3 năm 2017 của Công ty TNHH T (viết tắt Công ty T), tổng chi phí sửa chữa xe là 1.613.854.110 đồng. Công ty C yêu cầu được bồi thường theo hợp đồng đã ký nhưng Công ty PB không bồi thường.

Ngày 24 tháng 5 năm 2017, Công ty C tiếp tục có văn bản số: 54/CV-CTg yêu cầu Công ty PB thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm nhưng Công ty PB cho rằng

cần chờ cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ tai nạn để có cơ sở xác định mức bồi thường thiệt hại. Theo bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2017/HSST ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, tuyên bị đơn dân sự là ông Nguyễn Văn H - Chủ doanh nghiệp tư nhân H phải bồi thường cho Công ty C số tiền 223.000.000 đồng do gây ra tai nạn làm hư hỏng xe ô tô hiệu Lexus LS460, biển số: 52F-5499. Không đồng ý nội dung bản án số: 16/2017/HSST ngày 13 tháng 6 năm 2017, Công ty C đã kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án số: 16/2017/HSST ngày 13 tháng 6 năm 2017. Ngày 30 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã xét xử vụ án theo trình tự thủ tục phúc thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty C theo bản án hình sự phúc thẩm số: 70/2017/HSPT.

Ngày 21 tháng 6 và ngày 04 tháng 7 năm 2017, Công ty C tiếp tục có văn bản số: 61/CV-CTg và số: 69/CV-CTg yêu cầu Công ty PB bồi thường thiệt hại theo hợp đồng đã ký. Tuy nhiên, tại văn bản số: 0836/2017/TB-XCG/CÔNG TY PB BTA ngày 27 tháng 6 năm 2017 và văn bản số: 0927/2017/TB-XCG/CÔNG TY PB BTA ngày 14 tháng 7 năm 2017, Công ty PB trả lời né tránh không bồi thường.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 8 năm 2017, Công ty C khởi kiện đòi Công ty PB bồi thường thiệt hại của xe ô tô nhãn hiệu Lexus LS460, biển số: 52F-5499, số tiền 1.400.000.000 đồng theo hợp đồng bảo hiểm kết hợp xe ô tô số: P-16/BTA/P56/5100/0577 ngày 04 tháng 11 năm 2016.

Đến ngày 28 tháng 9 năm 2018, Công ty C có đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện đòi Tổng công ty Cổ phần P (viết tắt Tổng công ty P) bồi thường thiệt hại của xe ô tô nhãn hiệu Lexus LS460, biển số: 52F-5499, số tiền 1.400.000.000 đồng theo hợp đồng bảo hiểm kết hợp xe ô tô số: P-16/BTA/P56/5100/0577 ngày 04 tháng 11 năm 2016; trả tiền lưu bãi của xe ô tô nhãn hiệu Lexus LS460, biển số: 52F-5499 cho Công ty T trong thời gian chờ để sửa chữa tạm tính 575 ngày là 115.000.000 đồng (200.000 đồng/ngày); trả tiền thuê xe ở ngoài tạm tính là 400.000.000 đồng. Tuy nhiên, yêu cầu khởi kiện đòi Tổng công ty P trả tiền lưu bãi của xe ô tô nhãn hiệu Lexus LS460, biển số: 52F-5499 cho Công ty T trong thời gian chờ để sửa chữa tạm tính 575 ngày là 115.000.000 đồng (200.000 đồng/ngày); trả tiền thuê xe ở ngoài tạm tính là 400.000.000 đồng Công ty C không đóng tiền tạm ứng án phí theo quy định dù đã được Tòa án thông báo. Đến ngày 17 tháng 10 năm 2019, Công ty C có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tổng công ty P trả tiền lưu kho xe tạm tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 đến ngày 01 tháng 11 năm 2019 là 186.000.000 đồng (200.000 đồng/ngày).

** Tổng công ty P trình bày:*

Tổng công ty P xác nhận, ngày 04 tháng 11 năm 2016 các bên đã ký hợp đồng bảo hiểm kết hợp xe ô tô số: P-16/BTA/P56/5100/0577, đăng ký bảo hiểm vật chất xe ô tô nhãn hiệu Altis, biển số: 52T-4014 phí bảo hiểm 4.000.000

đồng, giá trị bảo hiểm 200.000.000 đồng và xe ô tô nhãn hiệu Lexus LS460, biển số: 52F-5499, phí bảo hiểm 24.500.000 đồng, giá trị bảo hiểm 1.400.000.000 đồng; vụ tai nạn giao thông xảy ra ngày 19 tháng 01 năm 2017 tại km 1749 + 698 Quốc lộ 1A thuộc huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận dẫn đến hư hỏng xe ô tô nhãn hiệu Lexus LS460, biển số: 52F-5499 là đúng.

Tuy nhiên, sau khi vụ tai nạn xảy ra Công ty C không thông báo ngay bằng văn bản cho Tổng công ty P. Tổng công ty P không nhận được bất kỳ sự ủy quyền nào của Công ty C để giải quyết vụ việc với các bên liên quan. Tổng công ty P có trách nhiệm bồi thường thiệt hại hư hỏng xe ô tô nhãn hiệu Lexus LS460, biển số: 52F-5499 cho Công ty C số tiền là 223.000.000 đồng theo bản kết luận định giá tài sản trong vụ án hình sự. Ngoài ra, Tổng công ty P không đồng ý bồi thường bất kỳ khoản tiền nào khác.

Công ty T báo giá phí sửa chữa xe là 1.613.854.110 đồng, Tổng công ty P không có ý kiến. Ông Nguyễn Văn H là chủ doanh nghiệp tư nhân H có trách nhiệm bồi thường cho Công ty C số tiền 223.000.000 đồng theo bản án hình sự phúc thẩm số: 70/2017/HSPT ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận. Trường hợp ông Nguyễn Văn H chưa bồi thường thì Tổng công ty P đồng ý bồi thường số tiền trên cho Công ty C, sau khi nhận được số tiền trên, Công ty C có nghĩa vụ chuyển giao quyền yêu cầu thi hành án lại cho Tổng công ty P.

** Ông N có đơn xin vắng mặt nhưng trong bản tự khai ngày 26 tháng 4 năm 2018 ông N trình bày:*

Ngày 19 tháng 01 năm 2017, Công ty C có gọi điện thoại thông báo xe ô tô biển số: 52F-5499 bị xe đầu kéo biển số: 78C-00347 đụng nên ông N báo cho Công ty C gọi vào số điện thoại đường dây nóng của Công ty để bên bộ phận xe xử lý. Sau đấy Công ty C có ủy quyền cho ông N để giải quyết với bên gây ra tai nạn, sau ba lần thỏa thuận phía xe đầu kéo đồng ý bồi thường cho Công ty C số tiền 1.400.000.000 đồng nhưng Công ty C không đồng ý, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận buộc nhà xe đầu kéo bồi thường cho Công ty C số tiền 223.000.000 đồng nhưng Công ty C không đồng ý nhận nhưng lại yêu cầu đòi Công ty PB bồi thường. Đồng thời ông N xác nhận đến ngày 15 tháng 6 năm 2017, Công ty C mới thông báo cho Công ty PB về vụ tai nạn xảy ra ngày 19 tháng 01 năm 2017.

** Quá trình tham gia tố tụng, tại biên bản làm việc ngày 26 tháng 8 năm 2019, thông báo ngày 21 tháng 6 năm 2022 ông Nguyễn Văn H - Chủ doanh nghiệp tư nhân H trình bày:*

Ngày 19 tháng 01 năm 2017, ông L tài xế điều khiển xe ô tô đầu kéo rơ moóc biển số: 78C-003.47 chở hàng từ tỉnh Bình Dương về tỉnh Phú Yên. Khi đến địa phận xã Nghĩa Tân, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận gây ra tai nạn làm hư hỏng xe ô tô nhãn hiệu Lexus LS460, biển số 52F-5499 của Công ty C. Khi tai nạn xảy ra, lỗi thuộc về tài xế L, ông Nguyễn Văn H đã thương lượng để bồi thường nhưng Công ty C không đồng ý. Theo bản án hình sự số: 16/2017/HSST

ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Tòa án huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, ông Nguyễn Văn H phải bồi thường cho Công ty C số tiền 223.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn H đã liên hệ cơ quan thi hành án để thi hành án số tiền trên nhưng Công ty C không đồng ý nhận. Sau 05 năm vụ tai nạn xảy ra, xe ô tô đầu kéo rơ mooc biển số: 78C-003.47, giá trị 600.000.000 đồng giờ trở thành phế liệu do Công ty C không chịu nhận tiền bồi thường. Do đó, ông Nguyễn Văn H cũng không nhận được xe, ông Nguyễn Văn H không có ý kiến về tranh chấp giữa Công ty C và Tổng công ty P, đề nghị không đưa ông Nguyễn Văn H tham gia tố tụng vụ án, xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, xét xử.

** Quá trình tham gia tố tụng, theo đơn trình bày và xin vắng mặt ngày 26 tháng 8 năm 2019 ông L trình bày:*

Ngày 19 tháng 01 năm 2017, tại địa phận xã Nghĩa Tân, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận ông L đã gây ra tai nạn làm hư hỏng xe ô tô nhãn hiệu Lexus LS460 biển số 52F-5499 của Công ty C. Sau đấy, vụ án đã được giải quyết, về yêu cầu khởi kiện của Công ty C, ông L không có ý kiến, đề nghị không đưa ông L tham gia tố tụng và xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, xét xử.

** Quá trình tham gia tố tụng, Công ty T trình bày:*

Xe Lexus LS460 biển số 52F-5499 của Công ty C đang lưu bãi tại kho Công ty T từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 đến nay. Khi đưa xe vào để kiểm tra báo giá không ký hợp đồng lưu bãi, tạm tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 đến ngày 01 tháng 11 năm 2019 là 944 ngày, phí lưu bãi là 200.000 đồng/ngày tương đương số tiền 188.800.000 đồng nhưng đến nay Công ty C chưa thanh toán phí lưu bãi. Công ty T đã gửi báo giá sửa xe tại văn bản số 211/2018/CV-TSMC ngày 25 tháng 10 năm 2018 và văn bản 231/2019/CV-TSMC ngày 04 tháng 6 năm 2019. Về yêu cầu khởi kiện của Công ty C, Công ty T không có ý kiến, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định, không đưa Công ty T vào tham gia tố tụng.

Vụ án được hòa giải nhưng không thành; các đương sự thống nhất đề nghị không tổ chức tiến hành hòa giải do các bên không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi bị đơn bồi thường thiệt hại của xe ô tô nhãn hiệu Lexus LS460, biển số: 52F-5499, số tiền 1.400.000.000 đồng theo hợp đồng bảo hiểm kết hợp xe ô tô số: P-16/BTA/P56/5100/0577 ngày 04 tháng 11 năm 2016; xin rút lại yêu cầu đòi bị đơn trả tiền lưu kho xe tạm tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 đến ngày 01 tháng 11 năm 2019 là 186.000.000 đồng (200.000 đồng/ngày). Đồng thời nguyên đơn có ý kiến, ông N là người trực tiếp tư vấn bán bảo hiểm, khi ký hợp đồng bảo hiểm nguyên đơn không được giải thích, nhận quy tắc bảo hiểm, từ khi hợp đồng bảo hiểm ký đến trước khi tai nạn xảy ra nguyên đơn được bị đơn bảo hiểm bồi thường thiệt hại nhiều lần do hư hỏng, va chạm đối với xe ô tô nhãn hiệu Lexus LS460.

Bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày nhưng có ý kiến bổ sung, ông N là người tư vấn, bán bảo hiểm trước khi các bên ký hợp đồng bảo hiểm đã giải thích đầy đủ về quy tắc bảo hiểm cho nguyên đơn. Thời điểm nguyên đơn ủy quyền cho ông N tham gia giải quyết vụ tai nạn ông N là nhân viên của Công ty PB nhưng nguyên đơn ủy quyền cho ông N với tư cách là nhân viên Công ty C, còn bị đơn không ủy quyền cho ông N tham gia giải quyết vụ việc tai nạn giao thông.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 169/2022/KDTM-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận Q đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C buộc Tổng công ty Cổ phần P bồi thường cho Công ty Cổ phần C số tiền 1.400.000.000đ (một tỷ, bốn trăm triệu đồng) theo hợp đồng bảo hiểm kết hợp xe ô tô số: P-16/BTA/P56/5100/0577 ngày 04 tháng 11 năm 2016 của xe ô tô nhãn hiệu Lexus, loại LS460L, biển số: 52F-5499, số máy: 1UR-0090583, số khung: JTHGL46F085024143, sản xuất năm 2007, số chỗ 05 nhưng được cản trở vào số tiền 223.000.000đ (hai trăm hai mươi ba triệu đồng) theo bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2017/HSST ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Do đó, số tiền còn lại Tổng công ty Cổ phần P phải tiếp tục thanh toán cho Công ty Cổ phần C là 1.177.000.000đ (một tỷ, một trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Cổ phần C cho đến khi thi hành xong, Tổng công ty Cổ phần P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng thời gian chậm trả quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C buộc Tổng công ty Cổ phần P trả Công ty Cổ phần C tiền lưu kho xe tạm tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 đến ngày 01 tháng 11 năm 2019 là 186.000.000đ (một trăm tám mươi sáu triệu đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận Công ty Cổ phần C tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định, giám định xe ô tô nhãn hiệu Lexus, loại LS460L, biển số: 52F-5499, số máy: 1UR-0090583, số khung: JTHGL46F085024143, sản xuất năm 2007, số chỗ 05. Công ty Cổ phần C đã nộp đủ.

4. Về án phí: Tổng công ty Cổ phần P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại là 47.310.000đ (bốn mươi bảy triệu, ba trăm mười nghìn đồng). Công ty Cổ phần C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tranh chấp về kinh doanh thương mại, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0022289 ngày 13 tháng 11 năm 2017 và số tiền 4.650.000đ (bốn triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0005185 ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận Q.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/7/2022, Tổng công ty Cổ phần P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận Q do phán quyết của Tòa án không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, có sai lầm trong việc áp dụng quy định của pháp luật, sai sót trong việc đánh giá tổn thất của xe ô tô Lexus 52F-5499 gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của CÔNG TY PB.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn trình bày: Bản án sơ thẩm của Tòa án Quận Q không căn cứ vào Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS mà căn cứ vào bảng Báo cáo sửa chữa thân xe và sơn của Công ty T để buộc Công ty PB bồi thường số tiền bảo hiểm là 1.400.000.000 đồng là không có căn cứ, vì bản Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS đã được áp dụng trong bản án hình sự nên có giá trị pháp lý cao hơn. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử dành quyền cho bị đơn được đòi bồi thường thiệt hại đối với Doanh nghiệp tư nhân H. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn thay đổi yêu cầu, kháng cáo một phần bản án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bị đơn về số tiền bồi thường bảo hiểm, chấp nhận giá trị bồi thường theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 169/2022/KDTM-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là Tổng công ty Cổ phần P, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Căn cứ vào đơn khởi kiện thì nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng bảo hiểm, là loại tranh chấp về kinh doanh thương mại phát sinh từ Hợp đồng bảo hiểm kết hợp xe ô tô số: P-16/BTA/P56/5100/0577 ngày 04 tháng 11 năm 2016. Tòa án nhân dân Quận Q đã thụ lý giải quyết theo trình tự thủ tục sơ thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo nên thẩm quyền giải

quyết thuộc thẩm quyền của Tòa Kinh tế - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ông N, ông Nguyễn Văn H - Chủ doanh nghiệp tư nhân H, ông L, Công ty TNHH T có đơn xin được xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét quyền yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 035160 ngày 02/02/2008 của Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp, có cơ sở xác định xe ô tô nhãn hiệu Lexus, loại LS460L, biển số: 52F-5499, số máy: 1UR-0090583, số khung: JTHGL46F085024143, sản xuất năm 2007, số chỗ ngồi: 05, là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của nguyên đơn.

Căn cứ hợp đồng bảo hiểm kết hợp xe ô tô số: P-16/BTA/P56/5100/0577 ngày 04/11/2016 và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập, xác định đối tượng được bảo hiểm theo hợp đồng là xe ô tô nhãn hiệu Lexus, loại LS460L, biển số: 52F-5499, số máy: 1UR-0090583, số khung: JTHGL46F085024143, sản xuất năm 2007.

Căn cứ Điều 1 của hợp đồng thể hiện giá trị bảo hiểm của xe Lexus LS460 là 1.400.000.000 đồng. Thời hạn, hiệu lực bảo hiểm có thời hạn kể từ ngày 10 giờ ngày 04/11/2016 đến 10 giờ ngày 04/11/2017.

Căn cứ khoản 16 Điều 4 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định *“Hợp đồng bảo hiểm là sự thoả thuận giữa bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, theo đó bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải bồi thường, trả tiền bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng”*.

Căn cứ Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định *“Hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thoả thuận khác. Từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết.”*

Căn cứ đơn khởi kiện cùng với những lời trình bày của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm đã xác định được do Tổng công ty Cổ phần P không thực hiện chi trả bồi thường theo hợp đồng đối với Hợp đồng bảo hiểm số P-16/BTA/P56/5100/0577 ngày 04/11/2016, nên Công ty C đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng bảo hiểm nêu trên đã được các bên tự nguyện ký kết xác lập, sau khi ký hợp đồng, không bên nào phản đối các điều khoản quy định tại hợp đồng và

nguyên đơn đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thoả thuận. Hợp đồng bảo hiểm không vi phạm các quy định của pháp luật nên đã phát sinh hiệu lực và có giá trị buộc các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng. Tai nạn xảy ra vào ngày 19/01/2017 nên hiệu lực bảo hiểm vẫn còn và yêu cầu bồi thường của nguyên đơn không thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm.

Ngoài ra, qua những lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn tại phiên toà, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định Hợp đồng bảo hiểm P-16/BTA/P56/5100/0577 ngày 04/11/2016 chưa được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực theo quy định tại Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nên nguyên đơn được quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm đã ký kết. Toà án nhân dân Quận Q đã thụ lý, giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và phù hợp với sự thoả thuận của các bên theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

Tại mục II: Kết quả khảo sát giá trị tài sản của Biên bản xác định giá trị thiệt hại, Hội đồng định giá đã ghi nhận như sau:

“ - Loại phương tiện: ô tô con, nhãn hiệu: Lexus; số máy: 1UR-0090583, số khung: JTHGL46F085024143; năm sản xuất: 2007, đăng ký lần đầu: ngày 02/02/2008, số chỗ ngồi: 05.

- Tỷ lệ còn lại theo hiện trạng thực tế: do trong quá trình sử dụng, chủ xe có thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa; Hội đồng thống nhất xác định tỷ lệ còn lại theo thực tế của xe ô tô con Lexus biển số 52F-5449 là 80%.

- Số khoản mục hư hỏng, sửa chữa, thay thế và phục hồi lại 27 chi tiết với tổng giá trị thay mới và tiền công sửa chữa, phục hồi của xe là 223.000.000 đồng.”

Tại Điều 2 của hợp đồng, các bên đã thoả thuận như sau:

“Bảo hiểm thay thế mới (004) bảo hiểm thay thế mới: Công ty PB sẽ trả tiền bồi thường toàn bộ giá trị thực tế của các bộ phận bị hư hỏng thay thế thuộc phạm vi bảo hiểm mà không khấu trừ phần hao mòn (khấu hao) sử dụng.”

Căn cứ vào nội dung Biên bản xác định giá trị thiệt hại cho thấy Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự đã tính khấu hao trong quá trình sử dụng của xe, trong khi đó, tại hợp đồng các bên đã thoả thuận bồi thường giá trị thực tế mà không khấu hao sử dụng. Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2017/HSST ngày 13/6/2017 đã căn cứ vào Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 24/01/2017 để buộc ông Nguyễn Văn H - Chủ doanh nghiệp tư nhân H có trách nhiệm bồi thường cho Công ty C số tiền là 223.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, trách nhiệm bồi thường tại bản án hình sự được xác định là trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định tại Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015 do có hành vi trái pháp luật hình sự và quyết

định về trách nhiệm bồi thường trong bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật. Đây được xem là chứng cứ để xác định giá trị bồi thường bảo hiểm. Tuy nhiên, giá trị bồi thường được áp dụng theo Kết luận định giá tài sản được xác định theo tỷ lệ còn lại trên thực tế của xe là 80%, chưa phù hợp với thoả thuận giữa Công ty C và Công ty PB tại hợp đồng bảo hiểm. Như đã nhận định ở mục [2.1], hợp đồng bảo hiểm xe đã phát sinh hiệu lực nên bị đơn cần phải tuân thủ và thực hiện đúng các nội dung đã thoả thuận tại hợp đồng về việc trả tiền bồi thường. Công ty PB phải trả tiền bồi thường toàn bộ giá trị thực tế của các bộ phận bị hư hỏng thay thế thuộc phạm vi bảo hiểm mà không khấu trừ phần hao mòn (khấu hao) sử dụng cho nguyên đơn. Do Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự chỉ tính trên tỷ lệ 80% nên khi trả tiền bồi thường bảo hiểm cho nguyên đơn cần phải cộng thêm 20% của số tiền 223.000.000 đồng đã được định giá, nhằm đảm bảo quyền lợi được bảo hiểm của nguyên đơn. Như vậy, số tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn theo hợp đồng bảo hiểm được tính là 267.600.000 đồng. Tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận hợp đồng bảo hiểm có quy định việc trả tiền bồi thường mà không khấu trừ phần hao mòn sử dụng nên đồng ý tính thêm 20% của số tiền 223.000.000 đồng.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 54 Luật Kinh doanh bảo hiểm: *“Sau khi doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài trả tiền bồi thường, người được bảo hiểm có trách nhiệm chuyển cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài quyền yêu cầu người thứ ba bồi hoàn số tiền mà doanh nghiệp đã bồi thường”*. Căn cứ vào quy định nêu trên, bị đơn được quyền yêu cầu bên thứ ba bồi hoàn số tiền đã bồi thường, trong trường hợp bên thứ ba không thực hiện, bị đơn được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án Quận Q đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và không vi phạm về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bị đơn về yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử quyết định sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận Q theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phù hợp với các tình tiết mới đã được làm sáng tỏ tại phiên tòa.

[3]. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa một phần nên án phí cũng được điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, căn cứ theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Tổng công ty Cổ phần P (Công ty PB).

- Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 169/2022/KDTM-ST ngày 16/8/ 2022 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng các Điều 30, 38, 148, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 54 Luật Kinh doanh bảo hiểm; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C, buộc Tổng công ty Cổ phần P bồi thường cho Công ty Cổ phần C số tiền 267.600.000 (hai trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng theo hợp đồng bảo hiểm kết hợp xe ô tô số: P-16/BTA/P56/5100/0577 ngày 04 tháng 11 năm 2016 của xe ô tô nhãn hiệu Lexus, loại LS460L, biển số: 52F-5499, số máy: 1UR-0090583, số khung: JTHGL46F085024143, sản xuất năm 2007, số chỗ ngồi: 05.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Cổ phần C cho đến khi thi hành xong, Tổng công ty Cổ phần P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng thời gian chậm trả quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005.

[2] Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C buộc Tổng công ty Cổ phần P trả Công ty Cổ phần C tiền lưu kho xe tạm tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 đến ngày 01 tháng 11 năm 2019 là 186.000.000đ (một trăm tám mươi sáu triệu đồng).

[3] Về chi phí tố tụng: Ghi nhận Công ty Cổ phần C tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định, giám định xe ô tô nhãn hiệu Lexus, loại LS460L, biển số: 52F-5499, số máy: 1UR-0090583, số khung: JTHGL46F085024143, sản xuất năm 2007, số chỗ ngồi: 05. Công ty Cổ phần C đã nộp đủ.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Tổng công ty Cổ phần P phải chịu án phí là 13.380.000 (mười ba triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng.

- Công ty Cổ phần C phải chịu án phí 39.282.000 (ba mươi chín triệu hai trăm tám mươi hai nghìn) đồng, nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0022289 ngày 13/11/2017 và số tiền 4.650.000đ (bốn triệu, sáu trăm năm mươi nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0005185 ngày 22/10/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận Q, nay còn phải nộp thêm 7.632.000 (Bảy triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

[4.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Tổng công ty Cổ phần P không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006259 ngày 13/9/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Quận Q;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận Q;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Đoan Trang

